

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 66/2021/DSST

Ngày: 07/4/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Mẫn

2. Ông Phạm Danh Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tham gia phiên tòa: Ông Mai Hùng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2020/TLST-DS, ngày 25/11/2020, về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/QĐXXST- DS, ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp Tân X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp Tân X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà V và bà A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:*

Tôi có tham gia góp 06 dây hụi do bà A làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- *Dây thứ 1:* Hụi mở ngày 15/8/2017 (al), dây hụi có 37 phần, 500.000 đồng/phần, tham gia góp 01 phần. Đã góp được 37 kỳ. Dây hụi này đã mãng nên tôi yêu cầu bà A trả cho tôi 37 kỳ hụi có tính lãi là 18.500.000đ;

- *Dây thứ 2*: Hội mở ngày 05/02/2019 (al), dây hội có 25 phần, 2.000.000 đồng/phần, tôi tham gia góp 01 phần. Đã góp được 13 kỳ được số tiền là 21.800.000đ.
- *Dây thứ 3*: Hội mở ngày 10/11/2019 (al), dây hội có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần, tham gia góp 01 phần. Tôi đã góp được 10 kỳ, được số tiền là 5.235.000đ.
- *Dây thứ 4*: Hội mở ngày 15/4/2020 (al), dây hội có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần, tham gia góp 05 phần. Tôi đã góp được 04 kỳ, được số tiền là 13.900.000đ.
- *Dây thứ 5*: Hội mở ngày 20/7/2019 (al), dây hội có 30 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 02 phần, đã góp được 10 kỳ, được số tiền là 15.335.000đ.
- *Dây thứ 6*: Hội mở ngày 30/9/2018 (al), dây hội có 24 phần, 1.000.000 đồng/phần, tham gia góp 01 phần. Tôi đã hót hội và còn nợ lại bà A số tiền là 7.000.000 đồng.

Tổng 05 dây hội tôi đang góp được số tiền 74.770.000 đồng. Tôi nợ lại bà A tiền hội chết chưa đóng là: 7.000.000 đồng.

Nay yêu cầu bà A trả cho tôi 74.770.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Tôi trả cho bà A số tiền 7.000.000 đồng, làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Bị đơn, bà Phạm Thị A trình bày:*

Tôi thống nhất việc tôi nợ tiền hội bà V như bà V trình bày. Đến nay tôi còn nợ tiền hội bà V 74.770.000 đồng.

Tôi yêu cầu phản tố, yêu cầu bà V trả cho tôi 7.000.000 đồng tiền hội chết chưa đóng và xin cần trừ vào tiền tôi nợ bà V.

Nay tôi đồng ý trả bà V số tiền 74.770.000 đồng nhưng do các hội viên đã hót hội, không đóng lại hội chết nên tôi không có tiền trả cho các hội viên chưa hót hội, trong đó có tiền của bà V. Do đó, tôi xin trả cho bà V mỗi tháng 1.000.000 đồng.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Bà A thừa nhận còn nợ bà V 74.770.000 đồng tiền góp hội nên có nghĩa vụ trả cho bà V. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà A trả cho bà V số tiền còn nợ là 74.770.000 đồng theo thời gian như bà Thảo yêu cầu. Bà A yêu cầu phản tố, yêu cầu bà V trả số tiền hội còn nợ là 7.000.000 đồng. Bà V thừa nhận có nợ bà A tiền hội là 7.000.000 đồng. Đề nghị

Hội đồng xét xử buộc bà V trả cho bà A 7.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Bà V và bà A phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Tuyết V và bà Phạm Thị A là tranh chấp về “*Hợp đồng góp hui*” theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết V, yêu cầu bà Phạm Thị A trả số tiền hui còn nợ là 74.770.000đ. Xét thấy, tại phiên tòa, bà A và bà V trình bày thống nhất số tiền bà A còn nợ bà V là 74.770.000 đồng. Bà A đồng ý trả cho bà V 74.770.000 đồng là phù hợp, nên ghi nhận.

Xét yêu cầu phản tố của bà A: Bà A yêu cầu bà V trả số tiền hui còn nợ là 7.000.000 đồng và yêu cầu căn trừ vào số tiền bà A nợ bà V. Xét thấy, bà V đồng ý trả cho bà A số tiền 7.000.000 đồng là phù hợp, nên ghi nhận.

Xét về thời gian trả: Bà V yêu cầu bà A trả 74.770.000 đồng, làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà A xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, mục đích của việc tổ chức góp hui là tương trợ vốn làm ăn trong nhân dân. Theo thỏa thuận trong hình thức góp hui là sau mỗi kỳ góp hui, hui viên được hót hui. Bà A ngưng góp hui nhưng không trả lại tiền cho bà V nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V. Ngược lại, bà V đã hót hui nhưng không đóng lại tiền hui cho bà A cũng làm thiệt thòi đến quyền lợi của bà A. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà V về việc yêu cầu bà A trả 74.770.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Bà V có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 7.000.000đ đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà V có nghĩa vụ nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà A. Bà A có nghĩa vụ nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà V. Bà A có hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên được giảm 50% số tiền án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết V.
- Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền hụi còn nợ là 74.770.000 (*bảy mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn*) đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.
- Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Phạm Thị A.
- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị A số tiền hụi còn nợ là 7.000.000 (*bảy triệu*) đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.
- Về án phí:
 - + Bà Phạm Thị A phải nộp 3.738.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được giảm 50% số tiền án phí. Bà A còn phải nộp 1.869.250 đồng án phí. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0019208, ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã G. Do đó, bà A phải nộp tiếp 1.569.250 (*một triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm năm mươi*) đồng, án phí.
 - + Bà Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ nộp 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.637.500 đồng theo biên lai số 0019143 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Bà V được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 2.287.500 (*hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Phạm Thị A và bà Nguyễn Thị Tuyết V không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang đề yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TX. Gò Công;
- CC Thi hành án DS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Toạ Phiên Tòa

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

